

Số: /2021/TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

**THÔNG TƯ**

**Quy định danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ và nguyên tắc xác định định mức biên chế trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ**

*Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 14 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ và nguyên tắc xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ và nguyên tắc xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ từ trung ương đến địa phương.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2. Phải gắn với tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý và tiêu chuẩn ngạch công chức; phải đảm bảo nguyên tắc một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính;

3. Mỗi vị trí việc làm phải có tên gọi, mô tả công việc, các mối quan hệ trong công việc, phạm vi quyền hạn, yêu cầu năng lực, sản phẩm và tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

4. Vị trí việc làm được xây dựng đảm bảo theo bốn nhóm: Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành; vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn; vị trí việc làm hỗ trợ phục vụ;

#### **Điều 4. Vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ**

##### **1 . Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ**

a) Vị trí việc làm về tổ chức bộ máy

- Chuyên viên cao cấp về tổ chức bộ máy;
- Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy;
- Chuyên viên về tổ chức bộ máy.

b) Vị trí việc làm về quản lý nguồn nhân lực

- Chuyên viên cao cấp về quản lý nguồn nhân lực;
- Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực;
- Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực.

c) Vị trí việc làm về địa giới hành chính

- Chuyên viên cao cấp về địa giới hành chính;
- Chuyên viên chính về địa giới hành chính;
- Chuyên viên về địa giới hành chính.

d) Vị trí việc làm về cải cách hành chính

- Chuyên viên cao cấp về cải cách hành chính;
- Chuyên viên chính về cải cách hành chính;
- Chuyên viên về cải cách hành chính.

đ) Vị trí việc làm về thi đua, khen thưởng

- Chuyên viên cao cấp về thi đua, khen thưởng;
- Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng;
- Chuyên viên về thi đua, khen thưởng.

e) Vị trí việc làm về quản lý tôn giáo

- Chuyên viên cao cấp về quản lý tôn giáo;
- Chuyên viên chính về quản lý tôn giáo;
- Chuyên viên về quản lý tôn giáo.

g) Vị trí việc làm về quản lý tín ngưỡng

- Chuyên viên cao cấp về quản lý tín ngưỡng;
- Chuyên viên chính về quản lý tín ngưỡng;
- Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng.

h) Vị trí việc làm về văn thư, lưu trữ

- Chuyên viên cao cấp về văn thư, lưu trữ;
- Chuyên viên chính về văn thư, lưu trữ;
- Chuyên viên về văn thư, lưu trữ;
- Cán sự về văn thư, lưu trữ.

## **2. Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ**

Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 5. Xác định định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ**

Việc xác định định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Nội vụ căn cứ các yếu tố sau:

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.

2. Đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên môn ngành Nội vụ: đồng thời phải căn cứ quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ);

3. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, định mức biên chế công chức nghiệp vụ chuyên môn ngành Nội vụ: đồng thời phải căn cứ quy định tại Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ);

4. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc trung ương: đồng thời phải căn cứ quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ).

### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang thực hiện thí điểm hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện thì tiếp tục thực hiện theo Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

- Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng đề án vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ của cơ quan, tổ chức mình trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

- Các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương định kỳ 31 tháng 12 hằng năm, thống kê và báo cáo về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ trong các cơ quan, tổ chức thuộc thẩm quyền theo Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư này, gửi Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để hướng dẫn, xem xét, giải quyết./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Website Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: Văn thư, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phạm Thị Thanh Trà**